

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2022/QĐST-HNGĐ

H, ngày 28 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH H

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Thị Lệ T - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Nữ Ngọc D – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H tham gia phiên họp: Ông Trần Vinh H – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2022/QĐ-ST ngày 11/02/2022, giữa các đương sự:

- Đương sự thứ nhất: Chị **Đặng Thị Hồng T**, sinh ngày: 03/3/1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã H, huyện X, tỉnh H, đề nghị giải quyết vắng mặt;

- Đương sự thứ hai: Anh **Trần Trọng B**, sinh ngày: 10/11/1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối 5, thị trấn A, huyện X, tỉnh H, hiện đang đi lao động tại Hàn Quốc, đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo yêu cầu giải quyết việc ly hôn của chị Đặng Thị Hồng T và anh Trần Trọng B cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc Hôn nhân gia đình có nội dung:

Chị Đặng Thị Hồng T và anh Trần Trọng B tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/8/2012, tại Ủy ban nhân thị trấn A, huyện X, tỉnh H. Hai bên gia đình tổ chức lễ cưới công khai theo phong tục địa phương, chung sống tại thị trấn A, huyện X, tỉnh H. Đời sống hôn nhân hòa thuận, hạnh phúc và có 02 con chung. Năm 2014, anh Trần Trọng B đi lao động tại Hàn Quốc. Từ đó, giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do khác biệt về quan điểm, lối sống, không tin tưởng dẫn đến không còn sự quan tâm. Vợ chồng ly thân từ năm 2014, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Đặng Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh H giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc D, sinh ngày: 17/02/2013 và Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày: 05/8/2014. Vợ chồng thống nhất giao con chung Trần Ngọc D cho chị Thân nuôi dưỡng còn Trần Thị Ngọc Q giao cho anh Bính trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết việc Hôn nhân gia đình, thông qua bố mẹ đẻ là ông Trần Đình Đ, bà Nguyễn Thị H, anh Trần Trọng B đã gọi điện trình bày ý kiến liên quan đến nội dung chị Đặng Thị Hồng T khởi kiện như sau: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như nội dung chị Đặng Thị Hồng T trình bày trong đơn khởi kiện. Do khoảng cách địa lý xa xôi, không tin tưởng, phát sinh bất đồng quan điểm nên đời sống hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy, anh Trần Trọng B yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc D, sinh ngày: 17/02/2013 và Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày: 05/8/2014. Vợ chồng thống nhất giao con chung Trần Ngọc D cho chị Thân trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Trần Thị Ngọc Q cho anh Bính trực tiếp nuôi dưỡng. Vợ chồng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do dịch Covid-19, anh Bính không về Việt Nam giải quyết ly hôn, không cung cấp được địa chỉ cụ thể tại Hàn Quốc, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, ủy quyền giao nhận tài liệu cho bố mẹ đẻ là ông Trần Đình Đ, bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Khố 5, thị trấn A, huyện X, tỉnh H.

Tại phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau và đề nghị Hội đồng giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Căn cứ Điều 149, 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 55, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của các đương sự; công nhận thuận tình ly hôn của chị Đặng Thị Hồng T và anh Trần Trọng B; về con chung: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa hai vợ chồng: Giao con chung Trần Ngọc D cho chị Thân trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Trần Thị Ngọc Q cho anh Bính trực tiếp nuôi dưỡng. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của chị Đặng Thị Hồng T và anh

Trần Trọng B, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H; Thẩm phán giải quyết việc Hôn nhân gia đình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 30772/QLXNC-P5 ngày 14/12/2021 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an thể hiện “*Anh Trần Trọng B đã xuất nhập cảnh 8 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 19/10/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*”. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của chị Đặng Thị Hồng T và anh Trần Trọng B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh H.

[1.2] Anh Trần Trọng B và chị Đặng Thị Hồng T đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[1.3] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, quá trình làm việc, anh Trần Trọng B trình bày thống nhất với toàn bộ yêu cầu của chị Đặng Thị Hồng T, không tranh chấp. Do đại dịch Covid-19, anh Bính không về Việt Nam để giải quyết việc hôn nhân gia đình nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đồng thời ủy quyền giao, nhận tài liệu cho bố mẹ đẻ là ông Trần Đình Đ, bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Khố 5, thị trấn A, huyện X, tỉnh H. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Bính thông qua người được ủy quyền và chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án “Ly hôn” thành “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[1.4] Chị Đặng Thị Hồng T có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ Điều 205, 207, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 04/2022/TB-TA ngày 04/01/2022 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.6] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiến hành xác minh tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 93, 94, 95, 96, 97, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Hôn nhân giữa chị Đặng Thị Hồng T và anh Trần Trọng B được xây dựng trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và tổ chức lễ cưới công khai.

Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung. Mâu thuẫn phát sinh khi anh Trần Trọng B đi làm việc tại Hàn Quốc, vợ chồng không tin tưởng, bất đồng quan điểm, ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy thời gian xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, xây dựng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Đặng Thị Hồng T và anh Trần Trọng B yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2.1.3] Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*” (khoản 1 Điều 51); “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....*” (Điều 55).

[2.1.4] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị Đặng Thị Hồng T và anh Trần Trọng B không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Thân, anh Bình như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận thuận tình ly hôn của chị Đặng Thị Hồng T và anh Trần Trọng B là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa hai vợ chồng: Giao con chung Trần Ngọc D, sinh ngày: 17/02/2013 cho chị Thân trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày: 05/8/2014 cho anh Bình trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận thuận tình ly hôn của chị Đặng Thị Hồng T và anh Trần Trọng B để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về lệ phí: Các đương sự phải chịu lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 146, 147, 361, 362, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của chị Đặng Thị Hồng T, sinh ngày: 03/3/1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã H, huyện X, tỉnh H và anh Trần Trọng B, sinh ngày: 10/11/1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối 5, thị trấn A, huyện X, tỉnh H, hiện đang đi lao động tại Hàn Quốc.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa hai vợ chồng: Giao con chung Trần Ngọc D, sinh ngày: 17/02/2013 cho chị Thân trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày: 05/8/2014 cho anh Bính trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về lệ phí: Áp dụng Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận sự tự nguyện nộp tiền lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng của chị Đặng Thị Hồng T theo biên lai số 0000055 ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh H.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh H;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trương Thị Lệ T